

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn M**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Th, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị H về việc nuôi con: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

4. Người làm chứng: Bà Trần Thị Th - Sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, Thành phố H, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Vũ Văn M trình bày: Anh và chị Phạm Thị Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là A), thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 22/9/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống nên thường xuyên cãi vã nhau dẫn tới cuộc sống mệt mỏi, căng thẳng và không còn hạnh phúc. Chị H chuyển hộ khẩu và về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2018, đến tháng 8/2019 thì đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Phạm Thị Ngọc H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Phạm Bảo Ch, sinh ngày 01/02/2016. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Phạm Thị Đ (là mẹ chị H) khai: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết. Thông qua gia đình, chị H trình bày quá trình chung sống thì anh M thường chơi bời, cờ bạc nên chị H có lần làm đơn ly hôn nhưng sau đó không đề nghị giải quyết ly hôn nữa. Thời gian chị đi học tiếng Nhật, anh M tiếp tục lấy hết tiền tiết kiệm của con để đánh bạc. Chị H không nhất trí ly hôn và vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Về con chung chị đề nghị được nuôi con, ủy quyền cho bà Đ là mẹ đẻ nuôi con chung trong thời gian chị ở nước ngoài và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai của bà Trần Thị Th (là mẹ đẻ anh M) trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng anh M, chị H về chung sống tại gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà được biết chị H có ý định muốn về nhà bố mẹ đẻ ở do vợ chồng không hợp nhau và hay xảy ra cãi nhau. Bà không đồng ý cho chị H đi nhưng sau đó chị H vẫn chuyển khẩu và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Mâu thuẫn giữa anh M, chị H đã được bà khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M, chị H được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H sinh sống thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở và đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, hiện tại chị H chưa về nước. Nay anh M có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Th trình bày: Vợ chồng anh M, chị H đã mâu thuẫn từ lâu, bà cũng đã khuyên bảo, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Chị H đã chuyển khẩu và về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng anh M, chị H không còn quan tâm tới nhau. Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị Đ trình bày: Bà đã thông báo việc anh M khởi kiện ly hôn cho chị H biết. Chị H có quan điểm mong muốn được đoàn tụ. Trường hợp ly

hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi con và ủy quyền cho bà nuôi con chung của chị H, anh M trong thời gian chị ở nước ngoài. Bà Đ nhất trí nhận sự ủy quyền của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, HĐXX và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn M được ly hôn chị Phạm Thị Ngọc H. Về con chung: giao con Vũ Phạm Bảo Ch cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Hạnh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Vũ Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình) theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Văn M sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Phạm Thị Ngọc H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Th, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương, hiện chị H đang lao động tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở Nhật Bản. Tòa án đã đề nghị gia đình chị H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị H và gia đình đã thông báo cho chị H biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh M và chị. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị H vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà Trần Thị Th là mẹ đẻ anh M có mặt và đề nghị được trình bày tại phiên tòa, do vậy HĐXX xác định bà Trần Thị Th là người làm chứng trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn M và chị Phạm Thị Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã A), thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 22/9/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống căng thẳng và không còn hạnh phúc. Chị H, mặc dù có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng bản thân chị đã từng làm đơn xin ly hôn, chị chủ động

chuyển hộ khẩu và chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ giữa năm 2018. Chị cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh M chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Từ khi đi xuất khẩu lao động chị H không liên lạc, không quan tâm đến anh Mạnh chứng tỏ chị không còn tình cảm với anh Mạnh. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết đề nghị được ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình, chính quyền địa phương. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh M ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh Vũ Văn M và chị Phạm Thị Ngọc H có một con chung là Vũ Phạm Bảo Ch, sinh ngày 01/02/2016, hiện đang ở với anh M. Thông qua gia đình, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và ủy quyền cho bà Đ chăm sóc con chung trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam. Bà Đ nhất trí nhận sự ủy quyền của chị H chăm sóc con chung trong thời gian chị H ở nước ngoài. Thực tế chị H đang lao động ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh M không nhất trí để chị H nuôi con và không nhất trí việc chị H ủy quyền cho bà Đ đến chăm sóc con chung. Anh M có mặt tại Việt Nam, có công việc ổn định, có thu nhập, có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nên việc giao con chung Vũ Phạm Bảo Ch cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng anh M không có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh M và chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Vũ Văn M** ly hôn chị **Phạm Thị Ngọc H**.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Vũ Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Phạm Bảo Ch, sinh ngày 01/02/2016 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Phạm Thị Ngọc H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0005817 ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị Đ được quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Phạm Thị Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã An Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**